

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý, để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định 112/2007/QĐ-TTg

Căn cứ Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân và trợ giúp pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT/UBDT-KHĐT-TC-NNPTNT ngày 8/ 8/2006 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (sau đây gọi là TTLT số 676): Hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II (2006-2010);

Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện mức chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân và trợ giúp pháp luật như sau:

I. Quy định chung

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (sau đây gọi tắt là: Chính sách Hỗ trợ dịch vụ, nâng cao đời sống nhân dân).

2. Thực hiện chính sách phải đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung hỗ trợ và lồng ghép với các chính sách có cùng nội dung, mục tiêu do các Bộ chuyên ngành và địa phương đang thực hiện trên địa bàn.

3. Tổ chức thực hiện Chính sách Hỗ trợ dịch vụ, nâng cao đời sống nhân dân bằng nguồn vốn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II theo quy định tại Thông tư số 676/2006/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08/8/2006 về hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II và những quy định cụ thể tại Thông tư này.

II. Quy định cụ thể

1. Phạm vi, đối tượng

1.1. Phạm vi : Các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu và thôn, bản, buôn, làng, xóm, ấp (sau đây gọi tắt là thôn, bản) đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II (KV II) thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.2. Đối tượng thụ hưởng:

a) Học sinh là con hộ nghèo (chuẩn hộ nghèo theo quy định tại Quyết định 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ) đang sinh sống tại các xã, thôn ĐBK ở xã KV II (có xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) xã, không yêu cầu phải có đăng ký thường trú hộ khẩu) thuộc phạm vi Chương trình 135 theo các quyết định của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Học sinh mẫu giáo trong độ tuổi từ 3 đến 6 tuổi đang đi học tại các trường, lớp mẫu giáo trong và ngoài xã;

- Học sinh các lớp thuộc hệ phổ thông: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông do điều kiện trường, lớp học ở xa gia đình, đi lại khó khăn phải thoát ly gia đình đến ăn, ở tập trung tại trường, lớp hoặc khu vực xung quanh trường, lớp phải tự lo chi phí sinh hoạt, tiền ăn thì được thụ hưởng chính sách, còn những học sinh chỉ ở trường, lớp một buổi trưa và đi, về trong ngày và học sinh học các trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định của Nhà nước không thuộc diện đối tượng thụ hưởng chính sách này.

b) Hộ nghèo đã có nhà ở ổn định, hiện tại chưa có nhà vệ sinh, hoặc nhà vệ sinh tạm bợ; chuồng trại chăn nuôi gia súc sát nhà ở không đảm bảo điều kiện vệ sinh có nhu cầu làm nhà vệ sinh, di chuyển chuồng trại để cải thiện môi trường được hỗ trợ kinh phí để cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường;

c) Các xã và các thôn, bản ĐBK ở xã KV II thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II theo các quyết định của cấp có thẩm quyền được thụ hưởng chính sách hỗ trợ hoạt động Văn hoá, Thông tin và hỗ trợ trợ giúp pháp lý.

2. Nội dung chính sách, hình thức hỗ trợ

2.1. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ học sinh con hộ nghèo:

- Hỗ trợ tiền ăn cho con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo.

Mức hỗ trợ: 70.000 đồng/tháng, thời gian được hưởng theo thực tế thời gian học, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Hỗ trợ học sinh bán trú là con các hộ nghèo đang theo học tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT) về tiền ăn và dụng cụ học tập. Mức hỗ trợ: 140.000 đồng/tháng, thời gian được hưởng theo thực tế thời gian học và không quá 9 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường:

Hỗ trợ 1 lần (trong giai đoạn thực hiện chương trình) cho các hộ nghèo mua vật liệu để nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, làm mới hoặc di chuyển chuồng trại và nhà vệ sinh. Mức hỗ trợ 1 triệu đồng/hộ.

c) Hỗ trợ hoạt động Văn hoá, Thông tin cho các xã và thôn, bản ĐBK ở xã KV II:

Hỗ trợ một số hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở xã và thôn, bản: Tổ chức lễ hội văn hoá, sinh hoạt văn hoá văn nghệ, vui chơi thể thao, mít tinh tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

Mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/năm cho một xã; 0,5 triệu đồng/năm cho một thôn, bản ĐBK thuộc xã KV II.

d) Hỗ trợ trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo:

Nguồn vốn từ ngân sách trung ương (NSTU) của Chương trình 135 giai đoạn II hỗ trợ 2 triệu đồng/năm/xã; 0,5 triệu đồng/năm/thôn, bản ĐBKK thuộc xã KVII để tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

Ngân sách địa phương hỗ trợ đảm bảo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động và cung cấp tài liệu pháp luật, thông tin pháp luật cho người nghèo

2.2 Hình thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo: Việc cấp tiền mặt hay tổ chức ăn tại chỗ do hội phụ huynh học sinh và Ban giám hiệu trường quyết định;
- Hỗ trợ học sinh con hộ nghèo học bán trú đang đi học tại các trường tiểu học, THCS, THPT bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Việc cấp tiền mặt, mua dụng cụ học tập hay tổ chức ăn tại chỗ cho học sinh do hội phụ huynh học sinh và Ban giám hiệu trường quyết định tùy theo điều kiện cụ thể và nguyện vọng của học sinh.
- Hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật (xi măng, tấm lợp...) cho hộ nghèo di chuyển hoặc làm mới chuồng trại, nhà vệ sinh cấp phát theo hộ gia đình, giá trị hỗ trợ bao gồm cả chi phí vận chuyển đến địa điểm tập kết, người hưởng lợi tự vận chuyển về hộ gia đình;
- Hỗ trợ bằng tiền mặt cho hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở xã và thôn, bản ĐBKK ở xã KV II, cấp phát theo đơn vị xã và thôn, bản ĐBKK ở xã KV II;
- Hỗ trợ trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo gồm: Chi phí văn phòng phẩm, chè nước, âm thanh, ánh sáng, thuê báo cáo viên để sinh hoạt câu lạc bộ pháp lý, tổ chức họp tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật cho cộng đồng, cấp phát không thu tiền các tài liệu pháp luật cho hộ nghèo.

3 . Thời gian thực hiện

Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường, hỗ trợ hoạt động Văn hoá, Thông tin và hỗ trợ trợ giúp pháp lý thực hiện từ năm 2008 đến hết năm 2010; hỗ trợ học sinh tính theo năm học (từ tháng 9 năm 2007 đến hết năm học 2009 - 2010).

III. Cơ chế quản lý

1. Nguồn vốn thực hiện

1.1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương (NSDP) để hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II cho các xã ĐBKK, thôn bản ĐBKK ở xã KVII thuộc diện đầu tư từ ngân sách trung ương. Ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình dự án khác trên địa bàn và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

1.2. Tiêu chí phân bổ vốn từ Ngân sách trung ương:

- Về chính sách hỗ trợ cho hộ: Căn cứ số hộ nghèo, số học sinh con hộ nghèo thực tế đang đi học các trường, lớp mẫu giáo và học bán trú tại các trường, lớp phổ thông của xã, thôn bản ĐBKK ở xã KV II thuộc diện đầu tư Chương trình 135 làm cơ sở phân bổ vốn. Mức hỗ trợ từ NSTU quy định theo Quyết định 112/2007/QĐ-TTg là mức tối thiểu, UBND tỉnh căn cứ điều kiện thực tế huy động, lồng ghép để xác định mức phân bổ vốn thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo đi học và hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường.